

Số: 150621.01/BC-NNCNC

Hậu Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 06
THÁNG CUỐI NĂM 2020 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG - KẾ HOẠCH NĂM 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần nông nghiệp Công nghệ cao Hậu Giang.

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Hậu Giang;
- Căn cứ tình hình thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng cuối năm 2020 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Hậu Giang (gọi tắt là Công ty).

Ban Giám đốc Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng cuối năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, với những nội dung như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD 06 THÁNG CUỐI NĂM 2020

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Hậu Giang (được cổ phần hóa từ Trung tâm Giống Nông nghiệp tỉnh Hậu Giang) mới thành lập và đi vào hoạt động ngày 11/07/2020; ngay từ đầu Công ty đã tập trung nguồn lực triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh với nhiệm vụ trọng tâm và đưa ra các định hướng, giải pháp để thực hiện. Trong quá trình triển khai, thực hiện Công ty gặp rất nhiều khó khăn về tài chính (thiếu vốn đầu tư), bên cạnh đó về nguồn nhân lực do Công ty mới thành lập nên lao động tuyển dụng vào chưa quen với công việc, khả năng làm việc chưa đạt yêu cầu; tuy nhiên, Công ty còn đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, tay nghề cao, có nhiều năm kinh nghiệm được chuyển tiếp từ Trung tâm Giống Nông nghiệp tỉnh Hậu Giang sang. Tuy gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty dẫn nỗ lực và sự đoàn kết quyết tâm vượt khó của Ban Giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên và được sự ủng hộ của quý cổ đông nên năm 2020 Công ty vẫn đạt kết quả khả quan trong sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020:

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Đvt: Đồng
			So sánh TH/KH (%)
1. Tổng doanh thu	5.005.500.000	9.476.777.294	189,33
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.004.000.000	9.475.843.794	
- Doanh thu khác	1.500.000		
- Doanh thu hoạt động tài chính		933.500	
2. Tổng chi phí	4.955.580.000	9.418.872.669	190,07
- Giá vốn hàng bán		8.848.318.376	

- Chi phí bán hàng		218.043.364	
- Chi phí quản lý doanh nghiệp		245.319.777	
- Chi phí lãi vay		97.764.818	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		9.426.334	
3. Lợi nhuận sau thuế	49.920.000	57.904.625	115,99

Đánh giá kết quả thực hiện:

Mặc dù từ thời điểm đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh đến 31/12/2020 (khoảng 06 tháng) Công ty đạt kết quả lợi nhuận là 57.904.625 đồng; tuy nhiên, tại thời điểm chuyển giao từ Trung tâm Giống Nông nghiệp tỉnh Hậu Giang sang Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Hậu Giang (tại ngày 10/07/2020) còn bị lỗ là 3.252.069.618 đồng; nguyên nhân lỗ là do Công ty hạch toán khoản khấu hao các tài sản cố định đưa vào chi phí hoạt động trong kỳ, trong khi đó tình hình năm 2019 gặp rất nhiều khó khăn về tài chính (thiếu vốn đầu tư) và năm 2020 có nhiều biến động, khó khăn thách thức, ngay từ đầu năm đại dịch Covid-19 gây ra làm ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh nên các nguồn thu không đủ bù đắp cho khoản khấu hao tài sản cố định của giai đoạn từ 01/01/2019 đến 10/07/2020.

II. TÌNH HÌNH VỀ TÀI SẢN, NGUỒN VỐN ĐẾN 31/12/2020:

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 10/07/2020
A. TỔNG CỘNG TÀI SẢN	40.780.837.131	33.972.338.042
I. Tài sản ngắn hạn	13.427.272.785	11.237.081.754
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.927.254.494	2.120.644.368
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	4.315.119.809	2.395.750.889
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.653.021.427	670.217.107
- Phải thu ngắn hạn khác	2.662.098.382	1.725.533.782
3. Hàng tồn kho	7.184.898.482	6.720.686.497
II. Tài sản dài hạn	27.353.564.346	22.735.256.288
1. Tài sản cố định hữu hình		
- Nguyên giá	36.488.655.216	37.342.852.954
- Giá trị hao mòn	23.393.918.345	23.641.002.892
- Giá trị còn lại	13.094.736.871	13.701.850.062
2. Tài sản dở dang dài hạn	13.867.440.226	9.033.406.226
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13.867.440.226	9.033.406.226
3. Tài sản dài hạn khác	391.387.249	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	391.387.249	-
B. TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	40.780.837.131	33.972.338.042
I. Nợ phải trả	25.218.502.124	18.467.907.660
Nợ ngắn hạn	25.218.502.124	18.467.907.660
- Phải trả người bán ngắn hạn	4.838.304.768	2.243.386.378
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.682.524	-
- Phải trả người lao động	327.770.850	-
- Chi phí phải trả ngắn hạn	79.647.600	-
- Phải trả ngắn hạn khác	17.453.092.561	12.232.859.087
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.510.003.821	3.991.662.195
II. Vốn Chủ sở hữu	15.562.335.007	15.504.430.382
Vốn Chủ sở hữu	15.562.335.007	15.504.430.382
- Vốn góp của Chủ sở hữu	18.756.500.000	18.756.500.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	18.756.500.000	18.756.500.000

quyết		
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(3.194.164.993)	(3.252.069.618)
+ Chưa phân phối kỳ trước	(3.252.069.618)	(3.252.069.618)
+ Chưa phân phối kỳ này	57.904.625	

III. CÔNG TÁC TỔ CHỨC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG:

- Công ty luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi và chăm lo đến đời sống, thu nhập của người lao động, các chế độ chính sách của người lao động được thực hiện theo quy định của pháp luật lao động.

- Thường xuyên quan tâm đến công tác tuyên truyền về an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ để nâng cao nhận thức cho người lao động khi làm việc.

- Tạo điều kiện cho người lao động làm việc trong môi trường đảm bảo an toàn lao động nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, hoạt động sản xuất hiệu quả, phòng ngừa, ngăn chặn tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

IV. CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH:

Công tác quản lý tài chính của Công ty được thực hiện thống nhất chặt chẽ, đúng nguyên tắc quản lý tài chính và từng bước được cải tiến, đảm bảo tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban kiểm soát Công ty; công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành và kinh doanh đạt hiệu quả.

V. CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ:

Hiện tại, Công ty đã và đang thực hiện các dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học Công nghệ, cụ thể như sau:

1. Dự án Xây dựng mô hình sản xuất cây có múi ứng dụng công nghệ tiên tiến tại tỉnh Hậu Giang, thời gian thực hiện từ tháng 11/2016 đến 10/2021 (đang trong giai đoạn cuối), với tổng kinh phí thực hiện đề tài là: 4.340.900.000 đồng, nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước cấp:

+ Ngân sách Trung Ương : 3.180.000.000 đ

+ Ngân sách Địa phương (tỉnh Hậu Giang) : 1.160.900.000 đ

2. Đề tài Nghiên cứu, chọn tạo giống lúa mới có năng suất, chất lượng cao, chống chịu được phèn, mặn, sâu bệnh và thích nghi tốt với điều kiện canh tác tại tỉnh Hậu Giang, thời gian thực hiện từ tháng 11/2020 đến 8/2024, với tổng kinh phí thực hiện đề tài là: 17.173.169.000 đồng, nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước cấp và từ nguồn khác:

+ Từ nguồn sự nghiệp khoa học, Công nghệ tỉnh Hậu Giang :
4.753.984.000 đ + Từ nguồn khác :

12.419.185.000 đ

(Đối ứng của dân, cơ quan chủ trì, đơn vị phối hợp)

PHẦN II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

Trong vụ sản xuất kinh doanh năm 2020, Công ty gặp không ít khó khăn trong công tác đầu tư sản xuất, do một phần là thiếu nguồn vốn hoạt động; một phần là do lực lượng lao động mới tiếp xúc với công việc nên chưa có kinh nghiệm nhiều trong công tác sản xuất kinh doanh.

Bước sang năm 2021, Công ty tiếp tục duy trì mô hình tổ chức như hiện tại và kiện toàn nhân sự, phát triển sản xuất kinh doanh có chiều sâu, nhằm nâng cao năng

lực cạnh tranh trên thương trường, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ để hoàn thành mục tiêu chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Trước bối cảnh và tình hình chung của đơn vị, Công ty chủ động nghiên cứu và xác định mô hình đầu tư sản xuất kinh doanh, để từ đó đưa ra những giải pháp và phương hướng cụ thể nhằm mục tiêu triển khai và thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021:

1. Kế hoạch các chỉ tiêu chính:

Căn cứ Công văn số 235/UBND-NCTH ngày 23 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh Hậu Giang, về việc thống nhất Kế hoạch tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần nông nghiệp Công nghệ cao Hậu Giang.

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (%)
1	Vốn điều lệ	18.756.500.000	18.756.500.000	50
2	Doanh thu	9.476.777.294	13.575.000.000	71,62
3	Chi phí	9.409.446.335	13.315.000.000	70,75
4	Lợi nhuận trước thuế	67.330.959	260.000.000	193,08
5	Lợi nhuận sau thuế	57.904.625	208.000.000	179,61
6	Quỹ lương bình quân/tháng	141.060.790	292.500.000	103,68
7	Lao động bình quân	21	45	107,14
8	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ (%)	0,31	1,11	179,03

Năm 2021 đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, sẽ gây ảnh hưởng nhiều đến hoạt động SXKD, do đó Ban Giám đốc trình Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông quyết định không phân phối lợi nhuận và không chia cổ tức năm 2021 để giữ lại lợi nhuận bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

2. Giải pháp thực hiện:

2.1. Giải pháp về tài chính:

- Công ty xây dựng kế hoạch dòng tiền để đảm bảo bố trí đầy đủ và kịp thời nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh (Bao gồm: Vốn vay ngân hàng và vốn huy động từ nguồn khác).

- Bên cạnh việc chủ động về nguồn vốn, Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm gia tăng tối đa các nguồn thu; đồng thời tiết kiệm chi phí và quản trị chặt chẽ các khoản công nợ nhằm tái sử dụng nguồn vốn một cách hiệu quả nhất.

2.2. Giải pháp về sản xuất:

- Xây dựng, rà soát kế hoạch sản xuất kinh doanh năm sát với thực tế. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ về việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất của Công ty.

- Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động; đầu tư trang thiết bị khoa học và công nghệ, đổi mới quy trình sản xuất, nâng cao năng suất lao động.

2.3. Giải pháp củng cố và phát triển nguồn nhân lực:

- Tổng hợp, rà soát đánh giá năng lực từng bộ phận để có kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và sắp xếp lao động cho phù hợp với từng công việc.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo tại chỗ, đào tạo nội bộ, đào tạo theo chuyên ngành, chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Nhằm mục tiêu phát triển bền vững, Công ty tập trung vào chất lượng nguồn nhân lực, tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, tránh chồng chéo, đề cao trách nhiệm cá nhân.
- Tăng cường kỷ luật và an toàn lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo quy định.

2.4. Giải pháp về công nghệ, kỹ thuật:

- Duy trì công tác quản trị mạng, đảm bảo hệ thống mạng nội bộ thông suốt, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc.
- Tập trung đầu tư vào nâng cấp, hiện đại hóa trang thiết bị giúp nâng cao năng suất, đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Đầu tư công nghệ, phần mềm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và quản lý doanh nghiệp.
- Ứng dụng phần mềm trong công tác nghiệp vụ, quản lý kế toán; ứng dụng công nghệ thông tin để cập nhật xu hướng thị trường, quảng bá doanh nghiệp, hoạch định kế hoạch.

2.5. Giải pháp về quản lý và điều hành:

- Tiếp tục thực hiện công tác tổ chức, sắp xếp bộ máy Công ty để phát huy tiềm năng nội lực và phù hợp với tình hình mới của Công ty.
- Rà soát để hoàn thiện các quy chế, quy trình, chế tài xử lý các hành vi vi phạm quy chế, quy định của Công ty để nâng cao năng suất lao động, tạo hiệu quả cho Công ty và động lực cho người lao động.
- Ban hành các quy chế, quy định về quản lý điều hành của Công ty phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tiễn để áp dụng thống nhất và nâng cao hiệu quả hoạt động. Tập trung củng cố, tăng cường bộ máy quản lý đủ khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển Công ty.
- Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch và các nguồn lực của Công ty.
- Thực hiện các biện pháp quản lý trong mua sắm, chi tiêu, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tiếp tục rà soát hàng hóa tồn kho, sử dụng vật tư, nguyên vật liệu tồn kho với mục tiêu giảm giá trị hàng tồn kho tối đa trong năm 2021.
- Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý tài chính, quản lý chi tiêu, quản lý chặt chẽ công nợ bán hàng để tránh trường hợp tồn đọng nợ xấu.

3. Phương án vay và sử dụng vốn:

3.1. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch
1	Giá vốn hàng bán	Ngàn đồng	9.800.000
2	Chi phí lương bán hàng và quản lý	Ngàn đồng	1.000.000
3	Chi phí bảo hiểm theo lương BH và QL	Ngàn đồng	75.000
4	Chi phí lãi vay	Ngàn đồng	500.000
5	Chi phí văn phòng phẩm	Ngàn đồng	120.000
6	Chi phí khấu hao quản lý	Ngàn đồng	400.000

7	Chi phí vận chuyển bán hàng	Ngàn đồng	600.000
8	Chi phí bán hàng	Ngàn đồng	300.000
9	Chi phí thuê xe quản lý	Ngàn đồng	120.000
10	Chi phí quản lý khác	Ngàn đồng	400.000
Tổng cộng		Ngàn đồng	13.315.000

3.2. Cơ cấu nguồn vốn thực hiện phương án:

Nguồn vốn	Số tiền (đ)	Tỷ lệ %
Vốn vay từ ngân hàng	10.000.000.000	75,10%
Vốn đối ứng (huy động vốn khác)	3.315.000.000	24,90%
Tổng cộng	13.315.000.000	100%

3.3. Nguồn và kế hoạch trả nợ:

- Nguồn trả nợ: Doanh thu các sản phẩm hình thành từ vốn vay, vốn huy động khác và thành phẩm hiện có của Công ty.
- Kế hoạch trả nợ: Trả luân chuyển sau khi doanh thu hình thành từ sản xuất kinh doanh cho đến khi đáo hạn trả dứt điểm.
- Trả lãi suất: Thanh toán hàng tháng hoặc theo thỏa thuận với đối tượng cho vay.

4. Về nghiên cứu khoa học, công nghệ:

- Công ty tiếp tục thực hiện tiếp các dự án, đề án, đề tài Nghiên cứu Khoa học Công nghệ từ các năm trước chuyển sang.

- Xây dựng các chương trình mới về đề án, dự án, đề tài và kế hoạch phát triển giống nông nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tiếp nhận các chương trình đề án, dự án, đề tài về giống nông nghiệp từ Trung ương đến địa phương và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh (kể cả tổ chức nước ngoài) theo quy định của pháp luật.

Trên đây là phần báo cáo của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Hậu Giang về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Hậu Giang.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban kiểm soát;
- Lưu HĐQT, VT.



Phan Quốc Thứ